**Các quan hệ :**

**KHACHHANG**(MAKH, TENKH, DIACHI, SDT, CONGNO, MAKHUVUC, EMAIL, GIOITINH)

Tân từ:

*MAKHUVUC*: Mã của khu vực mà khách hàng đang sinh sống

**NHANVIEN**(MANV, TENNV, CMND, EMAIL, LOAINV)

Tân từ: mỗi NHANVIEN thuộc 1 LOAINV.

**LOAINHANVIEN**(MALNV, TENLNV)

**KHUVUC**(MAKHUVUC, TENKHUVUC)

Tân từ: Mỗi khu vực có mã khu vực và tên khu vực

**DONVITINH**(MADVT, TENDVT).

**SANPHAM**(MASP, TENSP, MALOAISP, DONGIAMUAVAO, SOLUONGHIENCO, SOLUONGDABAN).

Tân từ: số lượng đã bán = tổng số lượng sản phẩm bán từ CHITIETBAN

**LOAISANPHAM**(MALOAISP, TENLOAISP, MADVT, PHANTRAMLOINHUAN).

Tân từ : Có nhiều loại sản phẩm. Các sản phẩm trong cùng một loại sản phẩm có cùng đơn vị tính (các đơn vị tính được lưu trữ trong hệ thống CSDL). Phần trăm lợi nhuận có thể là 1%, 2%, 5%,… tuỳ theo loại sản phẩm.

**PHIEUBAN**(MAPHIEU, NGAYLAP, MAKH, CHIETKHAU, THUE, THANH TIEN, MANV, GHICHU)

Tân từ:

THANHTIEN = Tổng (CHITIETBAN.THANHTIEN) \* (1 - CHIETKHAU + THUE)

**CHITIETBAN**(MAPHIEUMUAHANG, MASP, SOLUONG, THANHTIEN).

Tân từ: Mỗi chi tiết phiếu mua hàng thuộc về 1 phiếu mua hàng

THANHTIEN = DONGIAMUAVAO (SANPHAM) \* PHANTRAMLOINHUAN

**NHACUNGCAP**(MANCC, TENNCC, MAKHUVUC, DIACHI, DIENTHOAI, EMAIL).

Tân từ: MẠKHUVUC là mã khu vực trong bảng **KHUVUC**

**PHIEUMUA**(MAPHIEU, NGAYLAP, MANCC, GHICHU).

Tân từ : Cửa hàng mua hàng từ nhiều nhà cung cấp khác nhau. Đơn giá ở phiếu mua là đơn giá mua vào của từng sản phẩm.

**CHITIETMUA**(MAPHIEUMUAHANG, MASP, SOLUONG, DONGIA)

Tân từ: DONGIA ở đây là đơn giá mua vào, giống với DONGIAMUAVAO bên **SANPHAM**

.

**LOAIDICHVU**(MALOAIDV, TENLOAIDV, DONGIADV).

Tân từ : Có nhiều loại dịch vụ (cân thử vàng, gia công nữ trang,…). Mỗi loại dịch vụ có đơn giá riêng.

**PHIEUDICHVU**(MAPHIEU, NGAYLAP, MAKH, TONGTIEN, TINHTRANG, TONGTIENTRATRUOC, MANV, GHICHU).

Tân từ: tình trạng của phiếu dịch vụ là “Hoàn thành” nếu tất cả các loại dịch vụ trong phiếu dịch vụ đó đã được giao. Ngược lại thì là “Chưa hoàn thành”.

**CHITIETDICHVU**(MAPHIEU, MALOAIDV, CHIPHIRIENG, SOLUONG, THANHTIEN, TRATRUOC, NGAYGIAO, MATINHTRANG).

Tân từ : Đơn giá được tính = Đơn giá dịch vụ + chi phí riêng cho từng trường hợp (nếu có).

Thành tiền = Số lượng x Đơn giá được tính.

Số tiền trả trước phải >= (50% x Thành tiền) của loại dịch vụ đó.

Tình trạng là “Đã giao” hoặc “Chưa giao”

**TINHTRANG**(MATINHTRANG, TENTINHTRANG).

Tân từ : Tình trạng có thể là “Đã giao” hoặc “Chưa giao”).

// Có thay đổi

**SANPHAMSEARCH**(MASP, TEXTSEARCH)

**DICHVUSEARCH**(MADV, TEXTSEARCH)

**KHACHHANGSEARCH**(MAKH, TEXTSEARCH)

**NHANVIENSEARCH**(MANV, TEXTSEARCH)

**NHACUNGCAPSEARCH**(MANCC, TEXTSEARCH)

Tân từ (sử dụng cho 4 table trên):

TEXTSEARCH (string): là chuỗi kết hợp tất cả thông tin của 1 instance tương ứng.

Mỗi khi 1 sản phẩm được thêm vào db, 1 instance của SANPHAMSEARCH được tự động thêm:

Ví dụ sản phẩm:

MASP: SP001

Tên SP: Dây chuyền

Loại SP: Trang sức

Mã nhà cung cấp: NCC01

* Instance được thêm vào db là:

(SP001, “SP001 Dây chuyền Trang sức NC001”)

Khi user search sản phẩm, không cần quan tâm nhập gì, chỉ cần lấy từ table SANPHAMSEARCH lên những sản phẩm có TEXTSEARCH chứa chuỗi đã nhập